

Phụ lục I.4

**DANH MỤC HÓA CHẤT, KIT XÉT NGHIỆM VI SINH
ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP BAO GIÁ**

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 21/5/2023 của Bệnh viện Quân y 103)

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
1	Bộ nhuộm các loài Mycobacteria	Bảo quản: nhiệt độ 15-30 độ C 01 bộ gồm có 3 chai: Methylene Blue, Carbon Fuchsin, dung dịch tẩy màu Hydrochloric acid trong Ethanol	Bộ
2	Cefotaxime + Clavulanic acid (30µg+10µg)	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Phát hiện Beta-lactamases phổ rộng ở Enterobacterales có chứa Cefotaxime 30µg và Clavulanic acid 10µg Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	Khoan h
3	Ceftazidime + Clavulanic acid (30µg+10µg)	Thử nghiệm kháng sinh đồ, khoanh giấy có chứa Ceftazidime 30µg + Clavulanic acid 10µg Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	Khoan h
4	Colistin 10µg	Thử nghiệm kháng sinh đồ, khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoan h
5	Dầu khoáng	Dùng cho thanh định danh vi khuẩn	ml
6	Doripenem 10µg	Thử nghiệm kháng sinh đồ, khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoan h
7	Dung dịch chống bay hơi mẫu xét nghiệm	Chứa dầu khoáng, sử dụng cho máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn từ bước nạp mẫu. Chai ≥975mL	Chai
8	Dung dịch dùng pha loãng mẫu xét nghiệm	Chứa nước và ProClin, sử dụng cho máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn từ bước nạp mẫu. Thùng ≥4 chai x 975mL	Thùng
9	Fosfomycin 200µg	Thử nghiệm kháng sinh đồ, khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoan h
10	Hóa chất Kovacs	Dùng để phát hiện Indole trong định danh vi khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	ml
11	Kanamycin 30µg	Thử nghiệm kháng sinh đồ, khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoan h
12	Khoanh giấy Bacitracin 0,04 Unit	Sử dụng trong định danh vi khuẩn, để định danh Lancefield Group A streptococci (Streptococcus pyogenes). Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	Khoan h
13	Khoanh kháng sinh Novobiocin 30µg	Thử nghiệm kháng sinh đồ, khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoan h
14	Kit phát hiện SARS CoV 2 PCR	Có chứng nội kiểm phát hiện gen của cơ thể người và 3 gen đích E, N, RdRp, đóng gói ≥50 test/hộp	Test
15	Linezolid 30µg	Thử nghiệm kháng sinh đồ, khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoan h
16	Etest Amikacin	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Amikacin	Thanh
17	Etest Amoxicillin/clavulanic acid (2/1)	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Amoxicillin/clavulanic acid	Thanh
18	Etest Ampicillin/sulbactam 2/1	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Ampicillin/sulbactam	Thanh
19	Etest Ceftriaxone	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Ceftriaxone	Thanh
20	Etest Cefuroxime	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Cefuroxime	Thanh
21	Etest Chloramphenicol	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Chloramphenicol	Thanh

nhanh

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
22	Etest Ciprofloxacin	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Ciprofloxacin	Thanh
23	Etest Clindamycin	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Clindamycin	Thanh
24	Etest Doripenem	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Doripenem	Thanh
25	Etest Fosfomycin	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Fosfomycin	Thanh
26	Etest Imipenem	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Imipenem	Thanh
27	Etest Levofloxacin	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Levofloxacin	Thanh
28	Etest Piperacillin/tazobactam	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Piperacillin/tazobactam	Thanh
29	Etest Tigecycline	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Tigecycline	Thanh
30	Minocyclin 30µg	Thử nghiệm kháng sinh đồ, khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh
31	Môi trường Brain Heart Infusion Broth	Môi trường canh thang đa năng nuôi cấy các vi khuẩn khó mọc. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	Gam
32	Môi trường Macconkey agar	Môi trường nuôi cấy chọn lọc nuôi cấy vi khuẩn để kiểm tra vi khuẩn trong mẫu bệnh phẩm và thực phẩm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	Gam
33	Môi trường Mueller-Hinton agar	Môi trường tiêu chuẩn dùng để xét nghiệm nhạy cảm kháng sinh đồ. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	Gam
34	Môi trường Nutrient agar	Môi trường sinh trưởng nuôi mục đích chung. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	Gam
35	Môi trường Blood Agar Base	Môi trường mục đích chung phát hiện các phản ứng tan huyết đặc trưng khi môi trường được bổ sung với máu vô trùng khử fibrin. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	Gam
36	Môi trường Cation-adjusted Mueller-Hinton broth	Sử dụng cho thử nghiệm kháng sinh đồ theo phương pháp vi pha loãng cho kháng sinh Colistin. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	Gam
37	Môi trường đông khô Simmons Citrate	Định danh vi khuẩn, để phân biệt Enterobacterales dựa vào việc sử dụng citrate. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	Gam
38	Nitrofurantion 300µg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh
39	Nước muối vô trùng 0.45%	Dùng để pha huyền dịch vi khuẩn. Đạt tiêu chuẩn IVD (sử dụng cho xét nghiệm trên người). pH: 4.5 - 7	ml
40	Ofloxacin 5µg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh
41	Ống lưu chủng	Ống môi trường bảo quản chủng vi sinh vật, chứa các hạt chuyên dụng trong môi trường bảo quản vi khuẩn. Hộp ≥64 ống, mỗi ống chứa ≥25 hạt có thể kết dính các vi sinh vật và dung dịch bảo quản lạnh ưu trương. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	Hộp
42	Pipracillin 100µg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh
43	Piperacillin + tazobactam (100/10µg)	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh
44	Teicoplanin 30µg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh
45	Test nhanh phát hiện kháng nguyên vi rút Dengue NS1	Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới ≥20 phút Mẫu bệnh phẩm: huyết thanh, huyết tương hay máu toàn phần người	Test
46	Thanh định danh Neisseria, Haemophilus	Bộ gồm Thanh định danh Neisseria, Haemophilus và giếng nhỏ chứa các hóa chất đông khô và môi trường NaCl	Bộ

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
47	Thẻ định danh cho Neisseria/ Haemophilus	Thẻ định danh Neisseria-Haemophilus sử dụng cho máy định danh dùng để định danh vi khuẩn khó mọc Thẻ gồm ≥ 30 thử nghiệm sinh hóa Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Card
48	Ticarcillin/ clavulanic (75 μ g/10 μ g)	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh h
49	Tigecycline 15 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh h
50	Tobramycin 10 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh h
51	Etest Cefotolozane/ Tazobactam	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradient nồng độ xác định trước của kháng sinh Cefotolozane và Tazobactam	Thanh
52	Sởi IgM (ELISA)	Sử dụng được trên các máy ELISA tự động. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Test
53	Viên khử mùi nội hấp ướt	Tan chảy mà không để lại cặn. Không ảnh hưởng đến quá trình khử trùng của nội hấp. Có thể phân hủy sinh học.	Viên
54	Aztreonam 30 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh h
55	Bộ hiệu chỉnh máy cấy máu	Hiệu chỉnh nhiệt độ buồng ủ, vận hành của máy cấy máu	Bộ
56	Bộ sinh phẩm khuếch đại dùng trong xét nghiệm phát hiện định tính RNA SARS-CoV-2	Dùng trong xét nghiệm phát hiện định tính RNA SARS-CoV-2 trong mẫu gạc mũi họng và hầu họng. Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn từ bước nạp mẫu	Test
57	Cefepime 30 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh h
58	Cefixime 5 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh h
59	Cefoxitin 30 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh h
60	Clarithromycin 15 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh h
61	Clindamycin 2 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh h
62	Định danh nhanh Staphylococci	Hóa chất định danh nhanh Staphylococci bằng phương pháp ngưng kết	Test
63	Định danh nhanh Streptococci nhóm A, B, C, D, F và G	Hóa chất định danh nhanh Streptococci bằng phương pháp ngưng kết	Test
64	Doxycycline 30 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh h
65	Dung dịch Ethanol	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn từ bước nạp mẫu	ml
66	Haematin và Nicotin adenine dinucleotide	Bổ sung vào môi trường làm kháng sinh đồ với Haemophilus influenzae 1 bộ gồm 10 ống	Hộp
67	Hóa chất H2O2	Nồng độ 30%, dùng để phát hiện enzyme catalase của vi khuẩn	Test
68	Kít định lượng HCV Quantitative RT-PCR	Dùng toàn bộ lượng DNA/RNA của bước tách chiết cho real-time PCR, LoD ≤ 11 IU/ml, LoQ ≤ 15 IU/ml; có nội kiểm, thể tích mẫu 400 microlit; độ nhạy $\geq 99\%$, độ đặc hiệu $\geq 99\%$	Test

nhonh

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
69	Kít tách chiết DNA vi khuẩn Mycobacteria.	Dùng toàn bộ lượng DNA/RNA của bước tách chiết cho real-time PCR. Thử tích mẫu 400 microlit, Hóa chất EZ, hạt từ silica, đệm bầm, đệm rửa, đệm hòa mẫu cho hiệu suất tách và tinh sạch cao nhất, bảo quản nhiệt độ phòng	Test
70	Etest Aztreonam	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Aztreonam	Thanh
71	Etest Cefoperazone	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Cefoperazone	Thanh
72	Etest Cephalothin	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Chứa kháng sinh Cephalothin nồng độ 0,016-256 µg/ml	Thanh
73	Etest Gentamicin	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Gentamicin	Thanh
74	Etest Minoxycilin	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Minoxycilin	Thanh
75	Etest Ofloxacin	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Ofloxacin	Thanh
76	Etest Piperacillin	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Piperacilin	Thanh
77	Etest Polymycin	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Chứa kháng sinh Polymyxin B nồng độ 0,064-1024 µg/ml	Thanh
78	Etest Ticarcillin	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Ticarcilin	Thanh
79	Etest Ticcaccillin/ Clavulanic acid	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradinet nồng độ xác định trước của kháng sinh Ticarcilin/ Clavulanic acid	Thanh
80	Thạch Yeast Extract Agar	Môi trường sử dụng để đếm vi sinh vật trong nước. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Gam
81	Môi trường Campylobacter agar	Môi trường chọn lọc phân lập Campylobacter. Thành phần môi trường chứa máu cho vi khuẩn khó mọc, hỗn hợp chất khử để tăng phát triển, hỗn hợp kháng sinh và kháng nấm ức chế tạp nhiễm vi khuẩn và nấm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Đĩa
82	Môi trường Columbia agar base	Môi trường phân lập vi khuẩn khó mọc và phát hiện tan huyết.	Gam
83	Môi trường định danh Enterobacteriaceae	Môi trường phân biệt Enterobacterales dựa vào việc sản hydrogen sulphide và lên men đường đôi.	Gam
84	Môi trường phân lập chọn lọc Clostridium difficile	Môi trường phân lập chọn lọc nuôi cấy Clostridium difficile trong mẫu phân. Môi trường chứa máu cừu, Cycloserine, hỗn hợp Cefoxitin, Amphotericin B ức chế vi khuẩn và nấm gây nhiễm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Đĩa
85	Môi trường Todd-Hewitt Broth	Môi trường lỏng đựng trong ống nhựa trong suốt có nút xoáy vận chặt chứa môi trường dạng lỏng có kháng sinh dùng để tăng sinh chọn lọc cho liên cầu, phế cầu, đặc biệt là liên cầu nhóm B (GBS)	Ống
86	Môi trường Cary blair medium	Môi trường vận chuyển vi khuẩn Gram âm và vi khuẩn kỵ khí. Ống nhựa có nút xoáy vận chặt chứa môi trường bán lỏng dùng để vận chuyển mẫu bệnh phẩm, vi khuẩn gram âm và vi khuẩn yếm khí Thành phần: DISO13485dium hydrogen phosphate, Sodium thioglycollate, Sodium chloride, Calcium chloride, Agar. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	Gam
87	Penicilin 10 units	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh
88	Polymyxin E	Thử nghiệm kháng sinh đồ, hạn sử dụng ≥ 24 tháng Lọ ≥ 1 gam	Gam

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
89	Quinupristin-dalfopristin	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh
90	Sinh phẩm phát hiện định tính yếu tố thấp RF	Sinh phẩm phát hiện định tính yếu tố thấp Rheumatoid factor trong huyết thanh và hoặc huyết tương. Sinh phẩm bao gồm cả thuốc thử và chất chuẩn	Test
91	Rifampicin 5µg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh
92	Spectinomycin 100µg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh
93	Test nhanh phát hiện kháng nguyên Chlamydia	Test nhanh phát hiện kháng nguyên Chlamydia trong bệnh phẩm	Test
94	Thanh định danh nhanh vi khuẩn kỵ khí	Thanh định danh nhanh vi khuẩn kỵ khí trong 4 giờ. Thanh gồm ≥32 giếng, trong đó ≥29 giếng chứa hóa chất đông khô	Test
95	Thanh định danh vi khuẩn kỵ khí	Thanh định danh vi khuẩn kỵ khí, gồm ≥20 giếng chứa các hóa chất đông khô và ≥4ml môi trường API 20A. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Bộ
96	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm mã 203	Sử dụng cho máy định danh và kháng sinh đồ tự động. Thẻ làm kháng sinh đồ Gram âm. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Card
97	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm mã 214	Sử dụng cho máy định danh và kháng sinh đồ tự động. Thẻ làm kháng sinh đồ Gram âm. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Card
98	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm mã 233	Sử dụng cho máy định danh và kháng sinh đồ tự động. Thẻ làm kháng sinh đồ Gram âm. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Card
99	Thuốc nhuộm Auramin	AFB phát quang màu vàng sáng tương phản rõ ràng trên nền tối, 1 bộ gồm ≥2 lọ, mỗi lọ ≥250ml	Bộ
100	Ticarcillin 75µg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh
101	Dirithromycin 15µg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh
102	Trovafloxacin 10µg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Khoanh
103	Etest Ceftolozane	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradient nồng độ xác định trước của kháng sinh Ceftolozane	Thanh
104	Etest Tazobactam	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradient nồng độ xác định trước của kháng sinh Tazobactam	Thanh
105	Đỏ phenol	Pha thuốc nhuộm cho xét nghiệm AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	Gam
106	Đỏ Methyl	Sử dụng để thử tính chất sinh vật hóa học của vi khuẩn	Gam
107	Dung dịch đệm Tris-EDTA bảo quản vận chuyển di truyền	Dùng cho xét nghiệm sinh học phân tử	Ổng
108	Glucose-6-phosphate	Thành phần của môi trường nuôi cấy vi khuẩn	Gam
109	Môi trường Amies Transport Medium	Môi trường vận chuyển bệnh phẩm đường hô hấp cho nuôi cấy	Gam
110	Kháng sinh Nalidixic acid	Dạng bột	Gam

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
111	Glucose	Dùng chế tạo môi trường bảo quản vi khuẩn	Gam
112	Glycerol	Độ tinh khiết 99%, dùng để sản xuất môi trường bảo quản vi khuẩn	ml
113	Nước vô trùng siêu sạch không chứa DNase, Rnase	Dùng trong phản ứng Realtime PCR, xét nghiệm sinh học phân tử	Ống
114	Nước vô trùng siêu sạch không chứa DNase, RNase	Dùng cho pha chế, chuẩn bị hóa chất xét nghiệm sinh học phân tử. Chai $\geq 500\text{mL}$	Chai
115	Kit xét nghiệm Adeno virus	Test phát hiện nhanh virus kháng nguyên Adenon	Test
116	Kit xét nghiệm Rota/Adeno	Test nhanh phát hiện đồng thời kháng nguyên virus Rota và Adeno	Test
117	Bộ hóa chất tách chiết RNA của SASR-CoV-2	Sử dụng với Hệ thống tách chiết tự động Sử dụng cho ứng dụng tách chiết DNA/RNA từ mẫu máu, huyết tương, huyết thanh, dịch cơ thể,.... Công nghệ: Tách chiết tự động bằng công nghệ hạt từ. Sinh phẩm bảo quản ở nhiệt độ phòng. Test xét nghiệm dạng đơn lẻ	Test
118	Bộ hóa chất tách chiết RNA của SASR-CoV-2	Sử dụng với Hệ thống tách chiết tự động Sử dụng cho ứng dụng tách chiết DNA/RNA từ mẫu máu, huyết tương, huyết thanh, dịch cơ thể,.... Công nghệ: Tách chiết tự động bằng công nghệ hạt từ. Sinh phẩm bảo quản ở nhiệt độ phòng. Xét nghiệm thực hiện đồng thời ≥ 16 xét nghiệm	Test
119	Chlohydric acid (HCL)	Pha thuốc nhuộm cho xét nghiệm AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen (Các hóa chất khác của thuốc nhuộm như Fushin, xanh methylen, chương trình chống Lao đang cấp, chương trình không cấp còn 95 độ và acid HCl)	Lít
120	Kit phát hiện Mycobacterium tuberculosis	Bộ xét nghiệm IVD định tính phức hợp vi khuẩn lao (Mycobacterium tuberculosis complex) bằng kỹ thuật Real-time PCR - Nguồn mẫu: đờm, dịch rửa phế quản/khí quản, mẫu mô, máu toàn phần, dịch não tủy, dịch khớp, nước tiểu, dịch nuôi cấy vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Tính năng kỹ thuật : + Độ nhạy: ≥ 5 CFU/ mẫu + Gene mục tiêu: IS 6110	Test
121	Môi trường tạo màu chọn lọc Vibrio và định danh của V. cholerae và V. parahaemolyticus	Môi trường tạo màu phân lập chọn lọc Vibrio và là cơ sở để định danh của V. cholerae và V. parahaemolyticus. Môi trường chứa hỗn hợp pepton, đường, cơ chất tạo màu đặc biệt và hỗn hợp chọn lọc, pH 7.2 Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Đĩa
122	Ống tuýp pha huyền dịch vi khuẩn	Phù hợp với máy định danh và kháng sinh đồ tự động. Ống nghiệm bằng nhựa trong (polystyrene) ≥ 12 mm x 75 mm dùng một lần	Tuýp
123	Test nhanh phát hiện kháng thể IgG và IgM kháng vi rút Dengue	Phát hiện trong huyết thanh, huyết tương hay máu toàn phần người. Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới ≥ 20 phút	Test
124	Test phát hiện kháng thể viêm gan C	Phát hiện trong huyết thanh người, huyết tương hoặc trong máu toàn phần. Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới ≥ 20 phút	Test
125	Test xét nghiệm nhanh phát hiện kháng thể IgM kháng Enterovirus 71	Test nhanh phát hiện kháng thể IgM kháng Enterovirus 71 trong huyết tương và/hoặc huyết thanh người	Test
126	Thuốc thử chuẩn đoán để định tính ASO (Anti-streptolysin O)	Sinh phẩm bao gồm cả thuốc thử và chất chuẩn	Test

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
127	Dầu soi kính	Dùng khi soi tiêu bản quan sát hình thể vi khuẩn trên kính hiển vi ở vật kính 100X	ml
128	Etest Tazobactam	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradient nồng độ xác định trước của kháng sinh Tazobactam	Thanh
129	Etest Ceftazidime/Avibactam	Thử nghiệm kháng sinh đồ định lượng. Thanh nhựa mỏng hoặc dải giấy được ngâm tẩm với gradient nồng độ xác định trước của kháng sinh kết hợp Ceftazidime và Avibactam	Thanh
130	Khoanh Ceftazidime/Avibactam	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	khoanh

Tổng số khoản: 130 khoản./.

nhah

